

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DSST

Ngày: 16/8/2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Trường.
2. Ông Nguyễn Văn Trương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐ-TA ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Lê Thị L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bà Lê Thị L ủy quyền cho chị Trần Thị Hà X, sinh năm 1991 địa chỉ: ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2019 (có mặt).

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 06 ấp Thị Tứ, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Hiện bị đơn đang công tác tại công an huyện Châu Thành – Hậu Giang và tạm trú tại khu tập thể công an huyện Châu Thành – Hậu Giang (có mặt).

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trần Thị Hà X, sinh năm 1991.
2. Anh Phùng Hoàng T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

3. Bà Đinh Thị Thu T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu vực Yên Hạ, phường Thương Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chị Trần Thị Hà X trình bày:

Do có sự quen biết giữa nguyên đơn và bị đơn, nên nguyên đơn có cho bị đơn vay, vay nhiều lần không nhớ rõ từng lần vay là bao nhiêu, nhưng đến ngày 17/3/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn có làm biên nhận nợ tổng là 180.000.000 đồng thời hạn vay là một tháng kể từ ngày 17/3/2018. Khi cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận lãi cụ thể, bị đơn có đóng lãi cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không nhớ rõ đóng bao nhiêu lần, bao nhiêu tiền. Khi cho bị đơn vay không nhận thế chấp gì từ bị đơn. Khi giao tiền vay thì nguyên đơn chỉ giao cho người nhận trực tiếp là bị đơn không có mặt bà Đinh Thị Thu T, chị T cũng không có lần nào nhận tiền vay trực tiếp từ nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn vay 180.000.000 đồng và trả lãi 20% trên năm từ ngày 17/4/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn nhiều lần, mỗi lần từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, đến ngày 17/3/2018 làm biên nhận thừa nhận nợ tổng 180.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận lãi 9.000.000 đồng trên tháng, sau đó 7.000.000 đồng trên tháng trên 180.000.000 đồng đóng đến tháng 4 năm 2019 thì không đóng lãi tiếp đã đóng lãi được 170.000.000 đồng. Thời hạn cho vay không có thỏa thuận cụ thể nhưng từ khi làm biên nhận ngày 17/3/2018 thỏa thuận thời hạn vay một tháng, khi vay bị đơn không có thế chấp gì cho nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận nợ vốn và đồng ý trả nợ vốn cho nguyên đơn 180.000.000 đồng và bị đơn không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phùng Hoàng T trình bày: Việc cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn có thông qua chị Trần Thị Hà X, anh T không biết, không có nhận khoản tiền nào của bị đơn nên anh T không biết gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đúng theo Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn 180.000.000 đồng lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm 17/4/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Lê Thị L khởi kiện bị đơn Nguyễn Quang S yêu cầu giải quyết trả nợ vay và bị đơn có nơi làm việc tại công an huyện Châu Thành - tỉnh Hậu Giang. Do đó căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thu T quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đinh Thị Thu T, anh Phùng Hoàng Tr có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Đinh Thị Thu T và anh Phùng Hoàng T.

[2] Về hợp đồng vay tài sản: Nguyên đơn và bị đơn khai thống nhất với nhau việc bị đơn có tiền hành vay nhiều lần nhưng đến ngày 17/3/2018 làm biên nhận nợ tổng 180.000.000 đồng và bị đơn thừa nhận chữ ký chữ viết tên Nguyễn Quang S trong biên nhận nợ ngày 17/3/2018 dưới mục bên mượn tiền là của bị đơn. Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay là có thật.

[3] Về số tiền vay: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay vốn 180.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận nợ vốn là 180.000.000 đồng và đồng ý trả số nợ này. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay vốn 180.000.000 đồng cho nguyên đơn. Nguyên đơn có yêu cầu bà Đinh Thị Thu T là vợ của bị đơn có nghĩa vụ trả nợ vay vốn cùng bị đơn, xét thấy việc cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn thì nguyên đơn cũng xác nhận khi cho vay chỉ có bị đơn nhận tiền, không có mặt bà T và bà T cũng không có nhận tiền của nguyên đơn. Bị đơn khai đây là số tiền bị đơn vay để làm ăn riêng bà T không biết bị đơn vay để làm gì chứng tỏ đây không phải là nợ chung giữa bị đơn và bà T mà là nợ riêng của bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ vay không yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả nợ cùng với bị đơn. Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ riêng của mình cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Việc cho vay giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Bị đơn khai có đóng lãi cho nguyên đơn 9.000.000 trên tháng đóng được khoản 1 năm, sau đóng lãi cho nguyên đơn 7.000.000 đồng đóng

từ ngày 17/3/2018 đến tháng 4 năm 2019 thì không đóng lãi nữa và đã đóng lãi được 170.000.000 đồng. Việc đóng lãi này bị đơn không yêu cầu nguyên đơn làm biên nhận nhận lãi và khi đóng lãi bị đơn gửi cho anh T có khi bị đơn gửi cho người gác cổng hoặc các nhà đối diện cơ quan khi gửi bị đơn không nói gửi tiền đóng lãi nợ vay chỉ nói gửi tiền cho anh T và bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh cho việc đã đóng lãi vay. Anh T khai không có nhận bất cứ số tiền nào từ bị đơn nên không đủ chứng cứ chứng minh việc bị đơn có đóng lãi cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử tách yêu cầu của bị đơn về việc đã trả lãi và yêu cầu tính lại việc số tiền lãi cho nguyên đơn thành vụ kiện khác khi bị đơn có yêu cầu và có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10% trên năm trên số tiền vay 180.000.000 đồng từ thời điểm 17/4/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đại diện nguyên đơn thừa nhận bị đơn có đóng lãi được một lần vào ngày 17/3/2019 là 5.000.000 đồng đến tháng 4 năm 2019 thì không đóng lãi, như vậy lãi suất 10% trên năm được tính ra mỗi tháng 0.83%. Vậy số tiền lãi mỗi tháng bị đơn phải trả cho nguyên đơn 1.494.000 đồng, bị đơn đã đóng dư lãi 3.506.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ 17/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là 3 tháng 29 ngày lãi suất 0.83% trên tháng, lãi 5.926.000 đồng trừ đi số tiền lãi bị đơn đã đóng dư 3.506.000 đồng, bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn 2.420.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 212, 213, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 466, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị đơn Nguyễn Quang S phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Lê Thị L số tiền vay vốn 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) và trả lãi vay 2.420.000 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng). Tổng vốn và lãi 182.420.000 đồng (một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

2/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bị đơn phải chịu 9.121.000 đồng (chín triệu một trăm hai mươi một ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Hậu Giang. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0021452 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành – Hậu Giang.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

5/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Nhân**